

Số: ~~17~~ /2017/TT- BGTVT

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2017

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam**

*Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên năm 1978, và các sửa đổi;*

*Căn cứ Công ước Lao động hàng hải 2006 của Tổ chức Lao động quốc tế;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng với thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tàu biển Việt Nam* là tàu biển đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam hoặc đã được cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam.

2. *Thuyền viên nước ngoài* là thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài.

3. *Chứng chỉ chuyên môn* là chứng chỉ được cấp cho thuyền viên theo quy định của Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên năm 1978 và sửa đổi (sau đây viết tắt là Công ước STCW). Chứng chỉ chuyên môn bao gồm: Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn và Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ.

4. *Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn* là văn bản do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam cấp cho thuyền viên nước ngoài đã có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn được cấp theo quy định của Công ước STCW để làm việc trên tàu biển Việt Nam.

## **Chương II**

### **THUYỀN VIÊN NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC TRÊN TÀU BIỂN VIỆT NAM**

#### **Điều 4. Điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam**

1. Điều kiện chung:

- a) Có đủ tiêu chuẩn sức khỏe thuyền viên và tuổi lao động theo quy định;
- b) Có giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trừ trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật về lao động;
- c) Có hợp đồng lao động thuyền viên theo quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với Công ước Lao động hàng hải 2006 của Tổ chức Lao động quốc tế;
- d) Có hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà thuyền viên đó mang quốc tịch cấp;
- đ) Có sổ thuyền viên;
- e) Được bố trí đảm nhận chức danh trên tàu biển.

2. Điều kiện chuyên môn: Có đủ chứng chỉ chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp hoặc do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Việt Nam thỏa thuận về việc công nhận chứng chỉ chuyên môn cấp. Trường hợp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Việt Nam thỏa thuận về việc công nhận chứng chỉ chuyên môn cấp thì phải có Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn.

3. Thuyền viên nước ngoài thực tập trên tàu biển Việt Nam phải đảm bảo các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này và có đủ Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp hoặc do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Việt Nam thỏa thuận về việc công nhận chứng chỉ chuyên môn cấp, phù hợp với loại tàu thực tập.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của chủ tàu sử dụng thuyền viên nước ngoài**

1. Hướng dẫn cho thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam thực hiện đúng quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động; theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Khai báo ngày xuống, rời tàu và việc bố trí chức danh cho thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam do mình quản lý bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam và chịu trách nhiệm về việc khai báo của mình.

4. Trường hợp có vấn đề phát sinh liên quan đến việc sử dụng thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam thì phải báo cáo ngay cho Cục Hàng hải Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền liên quan của Việt Nam.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam**

1. Thực hiện các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và pháp luật quốc gia nơi tàu biển đang hoạt động.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

2. Bãi bỏ Quyết định số 47/2005/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện thuyền viên Việt Nam

làm việc trên tàu biển nước ngoài và thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

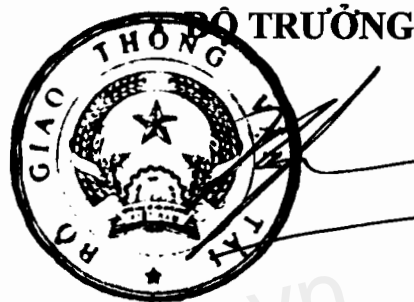
1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

*hal*

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB (Ndt).



**Trương Quang Nghĩa**